

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN NẠM MU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần Sông Đà 9) thuộc Tổng công ty Sông Đà, được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002, Ban quản lý chuyển thành Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 09 tháng 3 năm 2016.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
- Điện thoại : (0219) 3827 276
- Fax : (0219) 3827 523

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Nhận thầu xây lắp các công trình: Xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, buru điện; Xây dựng các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý đất nền yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống;
- Lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Trang trí nội thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;

33/004
C
TRÁC
KIỂM
ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng; Đầu tư tài chính (dùng vốn của công ty để đầu tư vào các dự án); Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;
- Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng;
- Kinh doanh khách sạn du lịch./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hải Sơn	Chủ tịch Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Hà Ngọc Phiêm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Văn Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Bà Phạm Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Trọng Căn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Vương Quốc Thắng	Trưởng ban Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Len	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Trọng Căn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Hà - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc, *kh*



Đỗ Văn Hà

Ngày 8 tháng 8 năm 2019

15-C
NHÁI
NG T
HỆM Y
N VÀ
&
HA
A -

Số: 2.0485/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Chi nhánh Hà Nội

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

C.T. HAN VÁN HA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.870.900.661	27.135.964.180
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.655.540.018	1.595.943.151
1. Tiền	111		1.655.540.018	1.595.943.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.244.216.361	18.364.683.490
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.344.473.355	16.073.546.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	750.262.000	128.784.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	149.481.006	2.162.352.136
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		566.436.345	35.935.454
1. Hàng tồn kho	141	V.6	566.436.345	35.935.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.404.707.937	7.139.402.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.404.707.937	6.269.513.945
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	869.888.140
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữ niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.332.884.583	398.051.574.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		352.947.718.918	369.459.836.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	352.947.718.918	369.459.836.533
<i>Nguyên giá</i>	222		710.663.826.311	710.023.826.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(357.716.107.393)	(340.563.989.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.203.440.300	24.008.009.370
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(7.396.559.700)	(6.591.990.630)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.181.725.365	4.583.728.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.181.725.365	4.583.728.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		416.203.785.244	425.187.538.272

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữ niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		135.168.914.704	129.813.107.121
I. Nợ ngắn hạn	310		93.853.335.013	64.580.969.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.223.255.435	7.170.655.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	10.419.264.713	2.104.942.203
4. Phải trả người lao động	314		2.877.968.625	5.097.291.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	310.873.670	462.914.227
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	23.337.435.568	3.271.563.562
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	47.683.116.000	45.383.116.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	3.001.421.002	1.090.486.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.315.579.691	65.232.137.691
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	41.315.579.691	65.232.137.691
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữ niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		281.034.870.540	295.374.431.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	281.034.870.540	295.374.431.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.077.970.647	35.808.852.500
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.394.001.227	50.002.679.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.103.172.802	50.002.679.985
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.290.828.425	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		32.678.666	32.678.666
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		416.203.785.244	425.187.538.272

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Đỗ Văn Hà

Nguyễn Thanh Lệ

Nguyễn Thanh Lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MỤ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	93.038.417.861	93.398.458.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.038.417.861	93.398.458.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.801.561.030	48.802.685.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.236.856.831	44.595.773.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	257.865.948	496.323.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.982.680.150	7.653.377.917
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.178.111.080	7.618.862.285
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.113.517.341	4.640.525.291
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.398.525.288	32.798.193.354
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.360.196.042	20.695.707
12. Chi phí khác	32	VI.7	148.851.851	43.997.109
13. Lợi nhuận khác	40		2.211.344.191	(23.301.402)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.609.869.479	32.774.891.952
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	6.319.041.054	3.429.351.490
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.290.828.425	29.345.540.462
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lệ

Nguyễn Thanh Lệ

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Giám đốc



Đỗ Văn Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.609.869.479	32.774.891.952
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	17.152.117.615	17.307.635.239
- Các khoản dự phòng	03	V.2	804.569.070	33.308.965
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	-	(55.264)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.178.111.080	7.618.862.285
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.744.667.244	57.734.643.177
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.009.644.731)	(10.462.335.180)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(530.500.891)	1.218.652.687
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.525.629	29.176.521.174
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.266.808.832	639.074.322
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.290.151.637)	(7.766.367.279)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(2.226.387.579)	(5.087.254.453)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(1.719.655.000)	(1.070.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.286.661.867	64.382.034.448
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(640.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(640.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MŨ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.13	(21.616.558.000)	(24.847.049.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.970.507.000)	(25.389.354.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(42.587.065.000)</i>	<i>(50.236.403.900)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.059.596.867	14.145.630.548
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	1.595.943.151	16.542.275.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	55.264
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	<u>6.655.540.018</u>	<u>30.687.961.050</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lệ

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2019

Giám đốc



Đỗ Văn Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 131 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 141 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí sửa chữa lớn. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	49.307.791	211.188.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.606.232.227	1.384.754.650
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	
<i>Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>6.655.540.018</u>	<u>1.595.943.151</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư vào công ty con, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô ⁽ⁱ⁾	30.600.000.000	(7.396.559.700)	30.600.000.000	(6.591.990.630)
Cộng	<u>30.600.000.000</u>	<u>(7.396.559.700)</u>	<u>30.600.000.000</u>	<u>(6.591.990.630)</u>

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800561 thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô 30.600.000.000 VND, tương đương 72,86% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 30.600.000.000 VND, tương đương 75,9% vốn điều lệ (số đầu năm là 30.600.000.000 VND, tương đương 75,9% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của Công ty con

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô trong kỳ không phát sinh doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(6.591.990.630)	(5.802.690.624)
Trích lập dự phòng bổ sung	(804.569.070)	(33.308.965)
Số cuối kỳ	<u>(7.396.559.700)</u>	<u>(5.835.999.589)</u>

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con trong kỳ như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô</i>		
Chi phí lãi vay phải trả		167.202.828

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Miền Bắc	413.600.000	
Công ty TNHH Nam Anh		128.784.650
Công ty Thương mại Du lịch và Tổ chức Sự kiện Việt Nam	253.162.000	
Các khách hàng khác	83.500.000	
Cộng	<u>750.262.000</u>	<u>128.784.650</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.765.000</i>		<i>11.561.000</i>	
Ông Hà Ngọc Phiêm - tiền tạm ứng			9.546.000	
Ông Phùng Xuân Hưng - tiền tạm ứng	14.765.000		2.015.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>134.716.006</i>		<i>2.150.791.136</i>	
Tạm ứng	37.236.000		94.535.026	
Ký quỹ, ký cược			1.557.374.400	
Thuế GTGT chưa kê khai			411.517.511	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	97.480.006		87.364.199	
Cộng	<u>149.481.006</u>		<u>2.162.352.136</u>	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	526.760.345		35.235.454	
Công cụ, dụng cụ	39.676.000		700.000	
Cộng	<u>566.436.345</u>		<u>35.935.454</u>	

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa TSCĐ còn phải phân bổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	522.774.591.836	184.057.016.968	3.134.672.052	57.545.455	710.023.826.311
Mua trong kỳ		640.000.000			640.000.000
Số cuối kỳ	522.774.591.836	184.697.016.968	3.134.672.052	57.545.455	710.663.826.311

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		48.320.998.163	1.814.781.143	57.545.455	50.193.324.761
---------------------------------------	--	----------------	---------------	------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	218.258.915.388	120.212.765.968	2.034.762.967	57.545.455	340.563.989.778
Khấu hao trong kỳ	10.161.723.786	6.907.900.645	82.493.184		17.152.117.615
Số cuối kỳ	228.420.639.174	127.120.666.613	2.117.256.151	57.545.455	357.716.107.393

Giá trị còn lại

Số đầu năm	304.515.676.448	63.844.251.000	1.099.909.085		369.459.836.533
Số cuối kỳ	294.353.952.662	57.576.350.355	1.017.415.901		352.947.718.918

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 350.827.907.485 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Yuxiang Hồ Nam		1.553.511.600
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng IBS Việt Nam	710.134.000	1.749.493.614
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Trường An	711.290.861	917.781.010
Công ty Cổ phần Nghị Thắng		911.900.000
Công ty TNHH Thép Đại Toàn Phát		852.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Cơ khí QTH	539.000.000	836.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thương mại Tây Nguyên	763.800.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Miền Bắc	717.528.900	
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	693.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Gia Long	1.496.000.000	
Các nhà cung cấp khác	592.501.674	349.469.248
Cộng	6.223.255.435	7.170.655.472

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	267.309.873	441.015.826	8.278.896.626	(6.771.402.500)	1.333.788.173
<i>Chi cục thuế Bắc Quang</i>	267.309.873		4.990.831.263	(4.431.527.099)	826.614.037
<i>Chi cục thuế Vị Xuyên</i>		441.015.826	3.288.065.363	(2.339.875.401)	507.174.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.089.246.355		6.319.041.054	(2.226.387.579)	5.181.899.830
Thuế thu nhập cá nhân	55.780.318		442.524.500	(108.485.150)	389.819.668
Thuế tài nguyên		428.872.314	5.521.841.823	(3.192.863.124)	1.900.106.385
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	692.605.657		1.605.357.000	(684.312.000)	1.613.650.657
Thuế môn bài			3.000.000	(3.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			25.532.095	(25.532.095)	
Cộng	2.104.942.203	869.888.140	22.196.193.098	(13.011.982.448)	10.419.264.713

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Luật thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động Nhà máy Thủy điện Nậm Mu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2004 đến năm 2018), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016).

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 10211000002 ngày 27 tháng 02 năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần An phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập dự án (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

Nhà máy Thủy điện Nậm An

Nhà máy Thủy điện Nậm An là Dự án đầu tư mở rộng, không được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập từ các hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm An phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MỤ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.609.869.479	32.774.891.952
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	233.839.629	829.057.999
- Các khoản điều chỉnh tăng	233.839.629	1.436.912.109
- Các khoản điều chỉnh giảm		(607.854.110)
Thu nhập chịu thuế	37.843.709.108	33.603.949.951
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	37.843.709.108	33.603.949.951
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>7.568.741.823</i>	<i>6.720.789.990</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		<i>(2.258.167.360)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(1.430.030.902)</i>	<i>(1.065.101.102)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>6.138.710.921</i>	<i>3.397.521.528</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	<i>180.330.133</i>	<i>31.829.962</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6.319.041.054	3.429.351.490

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm..

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>183.567.867</i>	<i>1.316.522.824</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô - Lãi vay phải trả		1.117.954.957
Tổng công ty Sông Đà	135.567.867	135.567.867
Thù lao HĐQT, BKS	48.000.000	63.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>23.153.867.701</i>	<i>1.955.040.738</i>
Kinh phí công đoàn	63.378.904	
Bảo hiểm xã hội	530.109	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	354.017.000	354.017.000
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	21.222.165.450	192.872.450
Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	1.398.918.672	1.317.534.984
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	114.857.566	90.616.304
Cộng	<u>23.337.435.568</u>	<u>3.271.563.562</u>

13. Vay ngắn hạn/dài hạn**13a. Vay dài hạn đến hạn trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	32.150.000.000	29.850.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (ii)	15.533.116.000	15.533.116.000
Cộng	<u>47.683.116.000</u>	<u>45.383.116.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

Số đầu năm	45.383.116.000
Số kết chuyển trong kỳ	23.916.558.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(21.616.558.000)
Số cuối kỳ	<u>47.683.116.000</u>

13b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	25.782.469.000	41.932.469.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (ii)	15.533.110.691	23.299.668.691
Cộng	<u>41.315.579.691</u>	<u>65.232.137.691</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 để Tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần, thời hạn vay 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, nhà máy thủy điện Nậm Ngần và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011 để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm An, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay và thay đổi lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Bảo Việt tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chấp giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Thủy điện Nậm An (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	47.683.116.000	45.383.116.000
Trên 1 năm đến 5 năm	41.315.579.691	65.232.137.691
Cộng	88.998.695.691	110.615.253.691

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	41.932.469.000	(16.150.000.000)	25.782.469.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	23.299.668.691	(7.766.558.000)	15.533.110.691
Cộng	65.232.137.691	(23.916.558.000)	41.315.579.691

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	692.059.546	2.541.412.325	(1.240.800.000)	1.992.671.871
Quỹ phúc lợi	398.427.420	1.089.176.711	(478.855.000)	1.008.749.131
Cộng	1.090.486.966	3.630.589.036	(1.719.655.000)	3.001.421.002

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư XDCB</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	47.667.435.134	32.678.666	289.365.542.253
Lợi nhuận trong kỳ trước				29.345.540.462		29.345.540.462
Trích lập các quỹ			3.673.644.047	(7.347.288.094)		(3.673.644.047)
Chia cổ tức				(35.699.830.000)		(35.699.830.000)
Số dư cuối kỳ trước	209.999.000.000	(468.780.000)	35.808.852.500	33.965.857.502	32.678.666	279.337.608.668
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	35.808.852.500	50.002.679.985	32.678.666	295.374.431.151
Lợi nhuận trong kỳ này				31.290.828.425		31.290.828.425
Trích lập các quỹ			2.269.118.147	(5.899.707.183)		(3.630.589.036)
Chia cổ tức				(41.999.800.000)		(41.999.800.000)
Số dư cuối kỳ này	209.999.000.000	(468.780.000)	38.077.970.647	33.394.001.227	32.678.666	281.034.870.540

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện	51.189.000.000	51.189.000.000
Công ty TNHH Dalat Safari		20.500.000.000
Ông Võ Anh Linh	20.664.620.000	
Các cổ đông khác	31.045.380.000	31.210.000.000
Cộng	<u>209.999.000.000</u>	<u>209.999.000.000</u>

15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.999.900	20.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01NQ/NQĐHĐCĐ/19 ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	41.999.800.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.630.589.036
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.269.118.147

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	40,14	43,44
Euro (EUR)	28,82	31,57

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu bán điện thành phẩm.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thành phẩm đã bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	252.767.348	496.267.978
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.098.600	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		55.264
Cộng	257.865.948	496.323.242

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.178.111.080	7.618.862.285
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	804.569.070	33.308.965
Chi phí tài chính khác		1.206.667
Cộng	5.982.680.150	7.653.377.917

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.247.996.099	2.447.016.759
Chi phí vật liệu quản lý	319.015.086	329.943.099
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.828.779	100.917.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.493.184	82.493.184
Thuế, phí và lệ phí	41.305.300	15.441.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.459.664	151.479.860
Các chi phí khác	1.283.419.229	1.513.233.215
Cộng	4.113.517.341	4.640.525.291

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán Cers	156.796.649	
Thu nhập từ bán điện	20.751.969	20.695.707
Thu nhập từ phí cấp quyền khai thác nước	2.141.940.000	
Thu nhập từ bán phế liệu	40.707.424	
Cộng	2.360.196.042	20.695.707

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí bán Cers	9.212.222	
Khấu hao các TSCĐ không sử dụng	10.253.127	11.331.252
Thuế bị phạt, bị truy thu	121.001.502	32.665.458
Phạt chậm nộp bảo hiểm		399
Chi phí khác	8.385.000	
Cộng	148.851.851	43.997.109

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.438.570.069	3.219.979.713
Chi phí nhân công	6.843.951.532	10.487.382.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.141.864.488	17.296.303.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.753.710.693	12.596.911.702
Chi phí khác	7.736.981.589	9.842.632.431
Cộng	51.915.078.371	53.443.210.741

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, thù lao với tổng tiền lương, thù lao trong kỳ là 657.242.000 VND (cùng kỳ năm trước là 945.610.000 VND).



